

Số: 202/BC-UBND

An Giang ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Quý 1 Năm 2023)

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh An Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý 1 năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0 thủ tục.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0 thủ tục.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong kỳ tỉnh An Giang không phát sinh dự thảo văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong Quý 1 năm 2023, tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: là 10 Quyết định (Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo).
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0 văn bản.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 101 thủ tục (bao gồm: công bố mới: 26 TTHC; Sửa đổi, bổ sung: 26 TTHC; bãi bỏ 49 TTHC); trong đó số TTHC được công khai 52 thủ tục, không công khai 49 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 1988 thủ tục; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 1981 thủ tục; số TTHC do địa phương quy định: 07 thủ tục.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023. Theo đó, tổng số TTHC phải rà theo quyết định là 26 TTHC.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 13 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 12; số từ kỳ trước chuyển qua: 1; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 2; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 11.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 10 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 10 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 3 PAKN.

b) Các cơ quan ngành dọc:

Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận 19 phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 15; số từ kỳ trước chuyển qua: 4; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 4; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 15.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 16 PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 16 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 3 PAKN.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC (Các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh)

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 313.114, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 301.332 (trực tuyến: 137.870, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 163.462), số từ kỳ trước chuyển qua: 11.782.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 302.691; trong đó, giải quyết trước hạn: 80.725, đúng hạn: 220.750, quá hạn: 1.216.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 10.423; trong đó, trong hạn: 9.817, quá hạn: 606.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn (trước hạn + đúng hạn): chiếm 99,42%;
- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): chiếm 0,58%.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

- Những trường hợp giải quyết quá hạn các đơn vị đều có thư xin lỗi, người dân và doanh nghiệp.

b) Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ là 39.810 hồ sơ, trong đó: mức độ 3 (một phần) là 4.125 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 10,4%; mức độ 4 (toàn trình) là 14.494 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 36,4%.

- Hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 4.985 hồ sơ.

- Hồ sơ không đủ điều kiện: 296 hồ sơ.

- Tổng hồ sơ phải xử lý: 44.499 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ đã xử lý trong kỳ là 41.390 hồ sơ, trong đó: đúng hạn 41.385 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,9%; trễ hạn 05 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,1%.

- Hồ sơ đang giải quyết là 3.109 hồ sơ.

- Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích trong kỳ: tiếp nhận 1.772 hồ sơ và trả kết quả 13.011 hồ sơ.

c) Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 1.073.010, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 1.049.286 (trực tuyến: 809.750, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 239.536); số từ kỳ trước chuyển qua: 23.724.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.057.803; trong đó, giải quyết trước hạn: 408.028, đúng hạn: 649.775, quá hạn: 0.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 15.207; trong đó, trong hạn: 15.207, quá hạn: 0.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn (trước hạn + đúng hạn): chiếm 100%;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): chiếm 0%.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

- Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong năm 2018, UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh An Giang đã hoàn thành việc kiện toàn 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, trong đó bao gồm cả TTPVHHC của tỉnh¹.

- Thực hiện quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (gọi tắt là Đề án). Trong năm 2021, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và đến nay 11/11 UBND cấp huyện cơ bản đã xây dựng và ban hành kế hoạch theo đúng yêu cầu của Thủ tướng và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Năm 2023 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND về Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một

¹ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

cửa, một cửa liên thông năm 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo:

+ Giao Sở Thông tin và Truyền thông, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cấp tỉnh; UBND cấp huyện chịu trách nhiệm đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cấp huyện; cấp xã;

+ Các đơn vị thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động trung bình trong việc giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xã hội hóa một số công việc trong quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã (01 nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, cấp huyện trong 01 năm lên mức tối thiểu 7.920 hồ sơ; 01 nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa cấp xã trong 01 năm lên mức tối thiểu 5.280 hồ sơ).

+ Chỉ đạo các đơn vị trang bị thiết bị đọc mã QR/thiết bị đọc chip điện tử trên thẻ căn cước công dân phục vụ việc tiếp nhận thủ tục hành chính đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp (Theo phân cấp ngân sách).

+ UBND tỉnh giao chỉ tiêu cho các đơn vị triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Đầu năm 2023 UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, ký số kết quả thủ tục hành chính theo các quyết định của UBND tỉnh đã ban hành, cụ thể:

+ Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 về Ban hành danh mục thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân.

+ Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về ban hành danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện theo Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Công văn số 366/UBND-TH ngày 15/4/2022.

b) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã công bố danh mục với 100% TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa đảm bảo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/04/2018 của Văn phòng Chính phủ và danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Trong quý 1 năm 2023, UBND tỉnh đã công bố 10 Quyết định về công bố danh mục TTHC: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 1*); 01 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị (*Phụ lục 2*).

c) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã hoàn thành tích hợp hệ thống đánh giá việc giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đúng theo quy định tại Điều 14 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tuy nhiên đến nay phát sinh số lượt đánh giá không nhiều, nguyên nhân chủ yếu do người dân còn tâm lý e ngại chưa mạnh dạn đánh giá, tiêu chí đánh giá quá nhiều, đa phần tại Trung tâm phục hành chính công tỉnh với có 34 lượt ý kiến đánh giá, đa số nhận được sự đánh giá tích cực về hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công: hài lòng về chất lượng dịch vụ (15 lượt), thái độ phục vụ (15 lượt); không hài lòng về nghiệp vụ nhân viên (02 lượt), thời gian giao dịch (02 lượt)..

d) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông

Hiện nay tỉnh An Giang vẫn đang thực hiện Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 (thay thế Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 08/07/2021) về công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

- Liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 85 thủ tục (các cơ quan ngành dọc 05 thủ tục).
- Liên thông cùng cấp với 140 thủ tục:
 - + Cấp tỉnh với 103 thủ tục.
 - + Cấp huyện với 31 thủ tục.
 - + Các cơ quan ngành dọc với 06 thủ tục.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

a) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, UBND tỉnh đã ban hành Danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 (thay thế Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 08/02/2021); Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 về công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần và lộ trình tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Bên cạnh đó, Cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp giao diện cho thiết bị di động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dichvucong.angiang.gov.vn/dichvucong/hoidap>, tiếp nhận phản ánh kiến nghị thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua kênh tương tác Zalo, liên hệ trực tiếp. Đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) cho người dân trên Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang nhằm giải đáp thắc mắc của người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang cung cấp.

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thực hiện kết nối với các hệ thống của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST) thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý; Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã cung cấp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 6/9/2021 về Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh An Giang. Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 cung cấp bổ sung DVCTT toàn trình, DVCTT một phần và lộ trình tích hợp năm 2022; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 phê duyệt danh mục DVCTT bắt buộc trả kết quả bản điện tử (với 2.121 TTHC); Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa (với 1.766 TTHC).

Kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết

thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng dịch vụ công quốc gia.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong nội bộ tỉnh:

- Phần mềm đăng ký hộ kinh doanh cá thể (Sở KHĐT);
- Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường;
- Kết nối liên thông giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống quản lý chuyên ngành của các Bộ, ngành, Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cụ thể:
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý Hộ tịch: Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn),
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua).
 - + Kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an (ngày 11/12/2022).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS).
 - + Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov).
- + Ngoài ra, Bộ Giao thông Vận tải đã có Văn bản số 7538/BGTVT-TTCNTT ngày 03/8/2020 về hướng dẫn triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh An Giang giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam hướng dẫn kết nối tích hợp, đồng bộ trạng thái giữa Hệ thống dịch vụ công đối Giấy phép lái xe với Cổng dịch vụ công tỉnh An Giang. Việc kết nối, liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam.

b) Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương còn hiệu lực và tình hình, kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành.

Trên cơ sở triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 03/03/2021 về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh An Giang, đảm bảo 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc.

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các đơn vị, lập dự toán kinh phí cho việc nâng cấp để đáp ứng yêu cầu về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) để trình UBND tỉnh xin chủ trương bố trí kinh phí để thực hiện.

UBND tỉnh đã cho chủ trương triển khai thử nghiệm hệ thống số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh An Giang theo văn bản số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 (Thông báo số 288/TB-VPUBND ngày 24/10/2022).

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 về chủ trương đầu tư dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực. Sở Thông tin và Truyền thông đang thực hiện các bước tiếp theo.

c) Tình hình tích hợp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

Tính đến nay, đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (1.493 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (toàn trình, một phần)) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỉ lệ 100% theo Quyết định 2042/QĐ-UBND và Quyết định 2856/QĐ-UBND. Đạt tỷ lệ 77,27% (1.493/1.932 TTHC) so với Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2022 đã giao (tích hợp 70%).

d) Triển khai tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Phụ lục 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã triển khai 8/25 dịch vụ công thiết yếu:

- (1) Đăng ký khai sinh;
- (2) Đăng ký khai tử;

(3) Đăng ký kết hôn;

(4) Triển khai nhóm thủ tục hành chính liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi;

(5) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất do thay đổi thông tin người được cấp giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ);

(6) Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ giáo dục và Đào tạo);

(7) Cấp phiếu lý lịch tư pháp;

(8) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia).

- Đối với 17/25 dịch vụ công thiết yếu còn lại đang được triển khai trên phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành trung ương triển khai xuống địa phương nên sẽ do Bộ, ngành trung ương thực hiện kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về dân cư.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền Cải cách thủ tục hành chính năm 2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang. Tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng: 11/11 huyện thành lập Tổ CNSCĐ; tổng cộng 6.517 thành viên; trong đó, Tổ cấp phường/xã: 156 tổ với 1.609 thành viên; Tổ cấp khóm/ấp: 731 tổ với 4.908 thành viên. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy công nghệ số, đưa người dân lên môi trường số, người dân tiên phong sử dụng nền tảng số, công nghệ số, qua đó, trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền công nghệ số mạnh mẽ hơn.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thiết lập kênh tuyên truyền cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trên các trang mạng xã hội (Zalo OA, Fanpage Facebook, ...) lồng ghép tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên mạng xã hội và cổng thông tin điện tử.

- Các đơn vị tăng cường công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC dưới nhiều hình thức, như: Đăng tin bài về hoạt động kiểm soát TTHC; phổ biến kịp thời các nội dung công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm soát

TTHC trên Cổng Thông tin điện tử; Tạo file hướng dẫn, tạo tài khoản giúp người dân, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cách nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia liên kết với cổng dịch vụ công của tỉnh, đăng trên Cổng thông tin của cơ quan.

- Một số đơn vị thực hiện tương đối tốt công tác tuyên truyền, như:

+ UBND huyện Phú Tân: Trong quý I, Cổng thông tin điện tử tiếp nhận và đưa 317 tin, 89 bài, 124 ảnh, 24 video. Đài truyền thanh huyện đã phát 409 tin, 49 bài viết, 41 phóng sự, 8 phỏng vấn, 56 lượt chuyên mục tiết mục, 9 câu chuyện truyền thanh nhằm tuyên truyền về công tác nâng chất cải cách hành chính ở địa phương, việc thực hiện thủ tục hành chính trong tình hình mới, thực hiện thủ tục hành chính dịch vụ công mức 3,4, dịch vụ bưu chính công ích, ...; giao mỗi đơn vị thực hiện ít nhất 01- 02 Clip, bài viết hướng dẫn và phân công cụ thể đối với các thủ tục hành chính có phát sinh thường xuyên và nhiều hồ sơ; Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, trường THPT, trường Trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý, định kỳ 03 tháng/01 lần tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích được cơ quan hành chính nhà nước cung cấp.

+ Sở Giao thông Vận tải: Cổng thông tin điện tử Sở GTVT và Mạng xã hội facebook: “Giao thông An Giang” đã đăng 35 tin, bài viết về luật GTVT, thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Bộ GTVT, của Tỉnh, của Sở. Hướng dẫn, giải đáp các ý kiến hỏi về thủ tục đổi GPLX của người dân qua số điện thoại đường dây nóng.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh: Xây dựng Video, Clip hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và đăng tải trên các kênh mạng xã hội của đơn vị như Fanpage facebook, Youtube.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm soát thủ tục hành chính cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh trong quý 1 năm 2023, các đơn vị đã triển khai một số mô hình như sau:

- UBND huyện Thoại Sơn: Triển khai cho Đoàn viên, thanh niên thị trấn Óc Eo hỗ trợ đồng bào dân tộc khmer thực hiện các thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Trả kết quả ngay và tặng quà cho người dân khi làm thủ tục hành chính vào các ngày lễ trong năm.

- UBND huyện Phú Tân: Thực hiện Mô hình “Hai hỗ trợ công dân” đối với thủ tục hành chính mức độ 3 và mức độ 4 (tại ban áp vào thứ 3 hằng tuần).

- UBND thị xã Tân Châu: triển khai thí điểm ở một số Phường, xã về Thực hiện mô hình Tổ tình nguyện tiếp nhận và trả kết quả tại nhà không thu phí cho

các đối tượng: người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, đối tượng được xét để hưởng BTXH.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Trong năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo kết hợp kiểm tra Kiểm soát hoạt động thủ tục hành chính và cải cách hành chính, theo đó đã ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 03/03/2023.

12. Nội dung khác

Trong quý 1 năm 2023, UBND tỉnh cũng đã ban hành các văn bản liên quan về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, như sau:

Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Công văn số 124/UBND-TH ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v giao chỉ tiêu triển khai thực hiện một số nội dung trong hoạt động KSTTHC, CCTTHC tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và Nghị quyết số 01/NQ-CP.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong quý 1 năm 2023, UBND tỉnh An Giang nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

a. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Một số bộ, ngành công khai thủ tục hành chính kèm Quyết định công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc công bố danh mục và tích hợp, công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia.

b. Khó khăn:

- Một số lĩnh vực thực hiện tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công của Bộ, ngành TW nên công tác báo cáo, chỉ đạo điều hành của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn như: Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội, lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và các lĩnh vực thuộc ngành Công an,... chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết

thủ tục hành chính của tỉnh do đó khó khăn trong công tác quản lý, theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện các giao dịch hồ sơ thủ tục hành chính mặc dù đã có sự chuyển biến rõ nét trong thời gian gần đây nhưng hiệu quả vẫn còn chưa cao, số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức trực tiếp vẫn chiếm đa số trong tổng số lượng hồ sơ giao dịch; Tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (một phần, toàn trình) chưa cao nguyên nhân do người dân còn hạn chế trong việc áp dụng CNTT trong gửi hồ sơ điện tử, đồng thời đa số người dân sử dụng SIM điện thoại chưa chính chủ nên khó khăn trong quá trình đăng ký, đăng nhập để nộp hồ sơ trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Công tác Chứng thực bản sao điện tử ở Bộ phận một cửa các cấp tỷ lệ còn rất thấp, nguyên nhân chủ yếu do người dân chưa nhận thức được lợi ích trong tương lai.

- Việc số hóa hồ sơ đầu vào tại Bộ phận một cửa các cấp vẫn còn thấp so với hồ sơ tiếp nhận, một phần do các đơn vị chưa quan tâm đầu tư, bố trí trang thiết bị phục vụ công tác số hoá.

- Về thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đã được người dân đón nhận nhưng kết quả chưa cao.

- Phần mềm hộ tịch thường bị lỗi và truy cập chậm nên ảnh hưởng đến việc giải quyết TTHC; Đánh giá, lấy ý kiến của người dân tại Bộ phận Một cửa các cấp còn nặng hình thức.

- Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện kiểm soát TTHC phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ và cũng được thay đổi thường xuyên do công tác cán bộ nên việc cập nhật đôi khi còn chậm trễ.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận “Một cửa” không còn, do đó chưa động viên kịp thời tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

Triển khai vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh kết nối với Hệ thống báo cáo Chính phủ theo đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

Theo dõi, đôn đốc bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/04/2022; Một số nội dung theo Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2023; Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang;

Rà soát, nâng cấp Cổng dịch vụ công cấp tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh theo đúng Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định số 468/QĐ-TTg;

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ trong việc triển khai thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh An Giang có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hiện nay một số VBQPPL lĩnh vực nông nghiệp có quy định thủ tục hành chính, trong cùng một văn bản cách tính thời hạn giải quyết chưa thống nhất, đơn cử thủ tục: “Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)” công bố theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/04/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trình tự, thời gian thực hiện thủ tục quy định (Điểm b, c, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 26/2019 /NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản):

2. Trình tự công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng như sau:

a) Đại diện tổ chức cộng đồng gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý;

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông báo theo quy định tại điểm b khoản này, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 06.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Việc chưa thống nhất “ngày” và “ngày làm việc” gây khó khăn nhất định trong việc xây dựng quy trình nội bộ, cấu hình, áp dụng trên Cổng dịch vụ công tỉnh (ngày làm việc không tính thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ, ngày lễ vào thời gian xử lý hồ sơ và ngược lại).

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT thống nhất cách tính thời hạn giải quyết TTHC là “ngày làm việc” trong các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính (đơn cử sửa đổi điểm c, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 26/2019 /NĐ-CP từ cách tính “ngày” thành “ngày làm việc”) để địa phương thuận tiện trong việc xây dựng quy trình nội bộ, áp dụng thực hiện trên cổng dịch vụ công tỉnh, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hiện nay thủ tục đăng ký biến động về quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân phát sinh lượng hồ sơ rất lớn và người sử dụng đất có nhu cầu thực hiện thêm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận. Để tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân khi phải liên hệ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả 03 lần (Lần 1: Nộp hồ sơ đăng ký biến động; Lần 2: Nhận kết quả của thủ tục Đăng ký biến động sau đó nộp hồ sơ cấp đổi GCN; Lần 3: Nhận GCN cấp đổi) xuống còn 02 lần (Lần 1: Nộp hồ sơ đăng ký biến động kết hợp cấp đổi GCN; Lần 2: Nhận GCN cấp đổi). Do đó, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tạo thêm mã hồ sơ, tổng thời gian thực hiện cho các thủ tục ghép như sau:

- Thủ tục Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (1.003877) kết hợp với thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (1.002989).

- Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê

lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (2.000410) kết hợp với thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (1.002989).

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Quan tâm, hỗ trợ việc tích hợp, chia sẻ thông tin các dịch vụ công trực tuyến đang thực hiện trên Cổng Thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin quốc gia về Đăng ký hợp tác xã với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hoặc có giải pháp tích hợp với Cổng DVC quốc gia và chia sẻ dữ liệu với địa phương nhằm phục vụ công tác báo cáo, theo dõi tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của các lĩnh vực vừa nêu.

4. Bộ Nội vụ

Quan tâm hướng dẫn địa phương về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

5. Văn phòng Chính phủ

- Hướng dẫn địa phương trong việc hoàn tiền thuế: Hiện chưa có quy định của ngành thuế về việc hoàn trả tiền thuế nộp thừa do người khác nộp thay trên Cổng DVC quốc gia. Do đó, các trường hợp người nộp thuế thay cho người phải nộp mà đã nộp dư tiền (do cá nhân hoặc do hệ thống bị sự cố) đều chưa được nhận lại tiền do chưa có quy định về hoàn tiền thuế trong trường hợp này.

- Hệ thống thanh toán trên Cổng DVC thường xuyên bị lỗi như: không nộp được tiền thuế nhưng vẫn bị trừ tiền tài khoản; không tải được chứng từ thanh toán do việc kết nối API đồng bộ thông tin chứng từ giữa các ngân hàng, trung gian thanh toán với Cổng DVC phát sinh lỗi; một số ngân hàng khi thanh toán trực tuyến, hóa đơn điện tử không thể hiện mã hồ sơ nên cán bộ thẩm định nghĩa vụ tài chính phải chờ thông báo của Chi cục thuế để rà soát, đối chiếu... Điều này gây khó khăn cho cả người thanh toán trực tuyến lẫn nhân viên thực hiện quy trình TTHC; Sớm tích hợp mã số định danh của người đã có mã số thuế cá nhân để xử lý việc người nộp thuế đã có mã số thuế đăng ký bằng CMND nay thay đổi bằng căn cước công dân mà không cấp thêm mã số thuế cá nhân nữa.

- Phối hợp với Ngân hàng, các trung gian thanh toán nghiên cứu, bổ sung giải pháp nộp thuế, thanh toán phí, lệ phí trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia bằng mã QR để tăng tính tiện lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tích hợp thêm trên Cổng DVC quốc gia các hạn mục nộp nghĩa vụ tài chính có liên quan khi thực hiện TTHC đất đai như thuế sử dụng đất hàng năm,

tiền bảo vệ đất lúa, thuế chậm nộp,... để tránh việc người dân phải vừa nộp thuế trực tuyến vừa nộp bằng tiền mặt khi làm 01 thủ tục về đất đai.

- Hệ thống báo cáo Chính phủ cần hoàn thiện chức năng, nâng cấp đường truyền tránh quá tải hệ thống khi thực hiện các báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ quý, năm; Nghiên cứu bổ sung tính năng import dữ liệu từ file excel đối với mẫu số II.08/VPCP/KSTT hoặc sửa đổi biểu mẫu trong thông tư 01/2020/TT-VPCP đối với biểu mẫu II.08/VPCP/KSTT.

- Đối với báo cáo thống kê chứng thực điện tử (địa chỉ: <https://quantri.dichvucong.gov.vn>) đề nghị bổ sung chi tiết số lượng hồ sơ thực hiện chứng thực điện tử của mỗi đơn vị (Phòng Tư pháp và UBND các xã, thị trấn) để phục vụ tốt hơn cho việc thống kê, báo cáo.

- Sớm ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử để kịp thời khắc phục những khó khăn, tồn tại vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

UBND tỉnh An Giang kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

Các quyết định Công bố danh mục TTHC

(Kèm theo Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang.
2. Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.
3. Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 07/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.
4. Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 03/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử; Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang.
5. Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 02/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ; thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
6. Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.
7. Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

8. Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

9. Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

PHỤ LỤC 2

Các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC

(Kèm theo Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 3**Thông kê các đơn vị gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ**

(Kèm theo Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

STT	Tên đơn vị	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ	Ghi chú
CẤP TỈNH			
1	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang	x	
2	Sở Công thương tỉnh An Giang	x	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang	x	
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang	x	
5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	x	
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang	x	
7	Sở Ngoại vụ tỉnh An Giang	x	
8	Sở Nội vụ tỉnh An Giang	x	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang	x	
10	Sở Thông tin và truyền thông tỉnh An Giang	x	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang	x	
12	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	x	
13	Sở Y tế tỉnh An Giang	x	
14	Thanh tra tỉnh An Giang	x	
15	Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang	x	
16	Sở Tài chính tỉnh An Giang	x	
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	x	
18	Sở Tư pháp tỉnh An Giang	x	
19	Ban Dân tộc	x	
NGÀNH DỤC			
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
2	Hải quan tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
3	Cục thuế tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
4	Công an tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
5	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang	x	Báo cáo giấy
7	Ngân hàng chính sách xã hội		
8	Ngân hàng phát triển Việt Nam	x	Báo cáo giấy

STT	Tên đơn vị	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ	Ghi chú
9	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang	x	Báo cáo giấy
CẤP HUYỆN			
1	TP. Long Xuyên	x	
2	TP. Châu Đốc	x	
3	Huyện Thoại Sơn	x	
4	Huyện Châu Thành	x	
5	Huyện Châu Phú	x	
6	Huyện Chợ Mới	x	
7	Huyện Phú Tân	x	
8	Huyện An Phú	x	
9	Huyện Tân Châu	x	
10	Huyện Tri Tôn	x	
11	Huyện Tịnh Biên	x	

Ghi chú:

- x: đã thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC và thực hiện nghiêm túc chế độ, thông tin báo cáo theo quy định (đủ điều kiện hỗ trợ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát TTHC).

- 0: Chưa gửi báo cáo (Tại thời điểm hoàn chỉnh báo cáo).

PHỤ LỤC 4

Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã Quý 1 năm 2023 trên hệ thống Báo cáo Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

I. SỐ LIỆU TỔNG CỦA TỪNG CẤP

Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn trong kỳ (bao gồm hồ sơ đã xử lý và đang xử lý) = Tổng số hồ sơ đã xử lý và đang xử lý trước hạn, đúng hạn và trong hạn trong kỳ / Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong kỳ * 100% (Công thức theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+(9)+ (12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	313.114	137.870	163.462	11.782	302.691	80.725	220.750	1.216	10.423	9.817	606	311.292	99,42%
1	CẤP TỈNH	33.421	15.625	16.460	1.336	32.183	12.625	19.554	4	1.238	1.227	11	33.406	99,96%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)= (8)+(9)+ (12)	(15)=(14)/(3)
2	CẤP HUYỆN	77.697	30.142	37.204	10.351	68.856	13.217	54.461	1.178	8.841	8.253	588	75.931	97,73%
3	CẤP XÃ	201.996	92.103	109.798	95	201.652	54.883	146.735	34	344	337	7	201.955	99,98%
4	CÁC CƠ QUAN NGÀNH DQC	1.073.010	809.750	239.536	23.724	1.057.803	408.028	649.775	-	15.207	15.207	-	1.073.010	100%

II. CHI TIẾT CẤP TỈNH

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	33.421	15.625	16.460	1.336	32.183	12.625	19.554	4	1.238	1.227	11	33.406	99,96%
1	Sở Giao thông Vận tải	17.965	4.150	13.815	-	17.965	-	17.965	-	-	-	-	17.965	100%
2	Sở Công thương	7.253	7.086	-	167	7.074	7.073	-	1	179	179	-	7.252	99,99%
3	Sở Tư pháp	3.857	1.605	1.962	290	3.393	3.393	-	-	464	464	-	3.857	100%
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.524	1.072	127	325	1.401	370	1.031	-	123	123	-	1.524	100%
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	528	272	99	157	488	487	-	1	40	40	-	527	99,81%
6	Sở Xây dựng	457	177	153	127	348	348	-	-	109	109	-	457	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+ (12)	(15)=(14)/(3)
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	376	349	7	20	346	346	-	-	30	30	-	376	100%
8	Sở Y tế	314	144	24	146	153	-	153	-	161	161	-	314	100%
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	270	24	188	58	205	-	204	1	65	54	11	258	95,56%
10	Sở Nội vụ	212	143	60	9	163	142	21	-	49	49	-	212	100%
11	Sở Tài chính	206	199	6	1	204	203	-	1	2	2	-	205	99,51%
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	167	149	-	18	166	-	166	-	1	1	-	167	100%
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	143	136	-	7	138	138	-	-	5	5	-	143	100%
14	Sở Thông tin và truyền thông	38	34	-	4	38	37	1	-	-	-	-	38	100%
15	Sở Khoa học và Công nghệ	34	31	-	3	27	27	-	-	7	7	-	34	100%
16	Ban quản lý Khu kinh tế	31	24	3	4	28	28	-	-	3	3	-	31	100%
17	Sở Ngoại vụ	30	30	-	-	30	30	-	-	-	-	-	30	100%

III. CHI TIẾT CẤP HUYỆN

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+ (12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	77.697	30.142	37.204	10.351	68.856	13.217	54.461	1.178	8.841	8.253	588	75.931	0,977271
1	Huyện Tịnh Biên	10.166	568	7.039	2.559	8.139	1.714	5.993	432	2.027	2.027	-	9734	95,75%
2	TP. Long Xuyên	9.998	5.213	3.621	1.164	8.411	3.666	4.744	1	1.587	1.587	-	9997	99,99%
3	Huyện Tri Tôn	9.071	6.495	2.307	269	8.991	113	8.823	55	80	80	-	9016	99,39%
4	Huyện Thoại Sơn	8.239	3	6.722	1.514	7.450	-	7.450	-	789	789	-	8239	100%
5	Huyện Chợ Mới	7.965	4.186	1.986	1.793	6.540	2.791	3.278	471	1.425	1.034	391	7103	89,18%
6	Huyện Châu Phú	6.773	4.972	1.234	567	5.945	1.597	4.330	18	828	661	167	6588	97,27%
7	Huyện Phú Tân	6.384	4.396	1.582	406	6.065	1.000	4.901	164	319	290	29	6191	96,98%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+ (12)	(15)=(14)/(3)
8	Thị xã Tân Châu	5.694	232	4.569	893	4.801	1.979	2.822	-	893	893	-	5694	100%
9	Huyện An Phú	5.398	2.368	2.600	430	4.928	181	4.710	37	470	469	1	5360	99,30%
10	TP. Châu Đốc	4.890	534	4.026	330	4.652	1	4.651	-	238	238	-	4890	100%
11	Huyện Châu Thành	3.119	1.175	1.518	426	2.934	175	2.759	-	185	185	-	3119	100%

IV. CHI TIẾT CẤP XÃ

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+ (12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	201.996	92.103	109.798	95	201.652	54.883	146.735	34	344	337	7	201.955	99,98%
1	Huyện Châu Phú	27.344	3.466	23.864	14	27.156	12.957	14.182	17	188	181	7	27320	99,91%
2	TP. Long Xuyên	25.477	16.569	8.908	-	25.477	1.440	24.037	-	-	-	-	25477	100%
3	Huyện Chợ Mới	22.193	12.307	9.886	-	22.193	3.902	18.291	-	-	-	-	22193	100%
4	Huyện Tịnh Biên	21.098	8.944	12.151	3	21.066	2.693	18.366	7	32	32	-	21091	99,97%
5	Huyện Tri Tôn	20.249	4.806	15.443	-	20.249	2.672	17.577	-	-	-	-	20249	100%
6	Huyện Phú Tân	19.114	15.330	3.727	57	19.025	17.438	1.577	10	89	89	-	19104	99,95%
7	Thị xã Tân Châu	17.044	5.299	11.731	14	17.014	3.038	13.976	-	30	30	-	17044	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+ (12)	(15)=(14)/(3)
8	Huyện Thoại Sơn	16.998	9.428	7.565	5	16.994	1.071	15.923	-	4	4	-	16998	100%
9	Huyện An Phú	16.210	6.268	9.942	-	16.209	4.594	11.615	-	1	1	-	16210	100%
10	Huyện Châu Thành	11.320	7.229	4.091	-	11.320	3.854	7.466	-	-	-	-	11320	100%
11	TP. Châu Đốc	4.949	2.457	2.490	2	4.949	1.224	3.725	-	-	-	-	4949	100%

V. CHI TIẾT NGÀNH DỤC

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/ (3)
	TỔNG	1.073.010	809.750	239.536	23.724	1.057.803	408.028	649.775	-	15.207	15.207	-	1.073.010	100%
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	423.710	360.799	45.544	17.367	410.875	359.518	51.357	-	12.835	12.835	-	423.710	100%
2	Cục Hải quan tỉnh An Giang	14.084	4.447	9.637	-	14.084	-	14.084	-	-	-	-	14.084	100%
3	Cục Thuế tỉnh An Giang	52.300	25.596	26.697	7	52.288	10.676	41.612	-	12	12	-	52.300	100%
4	Công an tỉnh An Giang	312.631	154.005	152.277	6.349	310.275	1.038	309.237	-	2.356	2.356	-	312.631	100%
5	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	270.219	264.903	5.316	-	270.219	36.737	233.482	-	-	-	-	270.219	100%
6	Ngân hàng nhà nước	63	-	62	1	59	59	-	-	4	4	-	63	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+ (12)	(15)= (14)/ (3)
	chi nhánh tỉnh An Giang													
7	Ngân hàng phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang	3	-	3	-	3	-	3	-	-	-	-	3	100%